

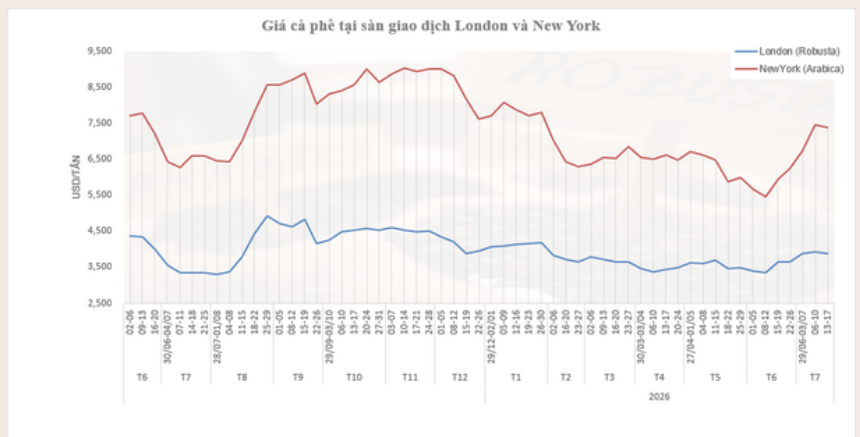
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.com.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tăng trên sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 06/07/2025 - 10/07/2026.
- Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 5/2026 đạt 12,37 triệu bao, giảm 3,19% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo CecaFé, xuất khẩu cà phê nhân của Brazil trong tháng 6/2026 đạt 2,64 triệu bao, tăng 14,78% so với cùng kỳ.
- Cà phê Saudi Arabia ít chịu tác động từ biến động giá thế giới do được định vị là sản phẩm có sản lượng hạn chế và giá trị cao.
- Ngày 16/07/2026, Hoa Kỳ miễn áp thuế 25% đối với cà phê nhập khẩu Brazil, trong đó có cà phê hòa tan không hương liệu.
- Ủy ban châu Âu thông qua quyết định bổ sung cà phê hòa tan vào danh mục sản phẩm thuộc EUDR.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 13/07/2026 đến 17/07/2026, giá cà phê thế giới giảm trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.888 USD/tấn, giảm 1,4% so với tuần trước và tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.961 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.854 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 07/2026 bình quân đạt 7.396 USD/tấn, giảm 0,9% so với tuần trước, và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.562 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.083 USD/tấn.[1]

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Theo báo cáo tháng 6/2026 của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 5/2026 đạt 12,37 triệu bao, giảm 3,19% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này khiến lượng xuất khẩu trong tám tháng đầu niên vụ cà phê 2025/2026 (tính từ tháng 10/2025 đến tháng 5/2026), đạt 94,82 triệu bao, giảm 0,13% so với cùng kỳ niên vụ trước.[2]

Xét theo khu vực, Nam Mỹ ghi nhận tín hiệu phục hồi khi xuất khẩu cà phê tăng 4,3%, đạt 4,29 triệu bao, đánh dấu mức tăng theo tháng đầu tiên sau 18 tháng. Động lực tăng trưởng chính đến từ Brazil với xuất khẩu cà phê đạt 3,13 triệu bao, tăng 4,2%.[2]

Tại khu vực châu Á, tổng lượng xuất

khẩu cà phê của Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia đạt 4,32 triệu bao, tăng 0,4%. Trong đó, Ấn Độ tăng 33,7%, đạt 740 nghìn bao, trong khi Indonesia và Việt Nam lần lượt giảm 15,9% và 3,6%.[2]

Đối với khu vực Mexico và nhóm các quốc gia Trung Mỹ sản xuất Arabica chế biến ướt, gồm Costa Rica, Guatemala, Honduras, Nicaragua và El Salvador, xuất khẩu cà phê giảm 3,8%, còn 2,14 triệu bao; riêng Nicaragua giảm 33,9%, xuống 260 nghìn bao.[2]

Khu vực châu Phi ghi nhận mức suy giảm lớn nhất, với tổng lượng xuất khẩu giảm 24,1%, còn 1,63 triệu bao. Ethiopia và Uganda đóng góp phần lớn vào xu hướng này khi tổng xuất khẩu của hai nước giảm 26%, xuống 1,31 triệu bao.[2]

BRAZIL

Theo Hiệp hội Các nhà Xuất khẩu Cà phê Brazil (Cecafé), xuất khẩu cà phê nhân của Brazil trong tháng 6/2026 đạt 2,64 triệu bao, tăng 14,78% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu Arabica đạt 2,04 triệu bao, tăng 9,86%, còn Conilon Robusta đạt 633.478 bao, tăng 32,99%. Tuy nhiên, tính chung niên vụ 2025/2026, từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026, xuất khẩu cà phê nhân đạt 34,51 triệu bao, giảm 16,6%. Arabica đạt 29,48 triệu bao, giảm 15,31%, trong khi Conilon Robusta đạt 5,51 triệu bao, giảm 16,13%.[3]

Mặc dù sản lượng Conilon của Brazil trong niên vụ hiện tại đạt kỷ lục, nguồn cung được thị trường nội địa và ngành chế biến sâu hấp thụ. Xuất khẩu cà phê hòa tan và sản phẩm giá trị gia tăng quy đổi đạt 4,24 triệu bao, tăng 0,72%.[3]

Về dài hạn, sản lượng Robusta Brazil đã tăng từ 18 triệu bao trong niên vụ 2014/2015 lên khoảng 27 triệu bao niên vụ 2025/2026. Bước sang niên vụ 2026/2027, thị trường kỳ vọng sản lượng Arabica Brazil đạt 51,5 triệu bao. Các yếu tố cần được theo dõi thêm bao gồm: mưa lớn làm chậm thu hoạch, tồn kho thấp và rủi ro thời tiết gây biến động giá.[3]

SAUDI ARABIA

Cà phê Saudi Arabia ít chịu tác động từ biến động giá thế giới do được định vị là sản phẩm có sản lượng hạn chế và giá trị cao. Tại vùng Jazan, sản lượng hằng năm đã vượt 1.000 tấn, được cung cấp từ khoảng 2.000 trang trại với hơn 400.000 cây cà phê. Giá cà phê nội địa dao động từ khoảng 32,0 đến 80,1 USD/kg, phụ thuộc vào năng suất mùa vụ, chất lượng hạt, tỷ lệ phân loại, phương pháp chế biến, sấy khô, chi phí sản xuất và nhu cầu thị trường. Trong khi đó, giá cà phê toàn cầu vẫn nhạy cảm với hạn hán, nhiệt độ cao và lượng mưa bất thường tại Brazil, tồn kho thấp trên các sàn New York và London, cùng sự gia tăng chi phí phân bón, năng lượng, vận chuyển và bảo hiểm. Gián đoạn tại eo biển Hormuz tiếp tục làm tăng chi phí logistics, đặc biệt đối với thị trường Saudi Arabia do phần lớn nhu cầu được đáp ứng bằng nhập khẩu. Tuy nhiên, dự báo sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2025/2026 tăng khoảng 2%, lên 177,5 triệu bao, đã góp phần hạn chế đà tăng giá. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, các giải pháp trọng tâm gồm đa dạng hóa nguồn cung, ký hợp đồng dài hạn, cải thiện quản lý tồn kho, giảm tổn thất và mở rộng liên kết sản xuất.[4]

HOA KỲ MIỄN THUẾ ĐỐI VỚI CÀ PHÊ HÒA TAN CỦA BRAZIL

Ngày 2/6/2026, chính quyền Tổng thống Donald Trump công bố kế hoạch áp thuế 25% đối với các mặt hàng nhập khẩu từ Brazil. Ban đầu, cà phê hòa tan được lo ngại nằm trong danh sách chịu thuế, làm suy giảm khả năng cạnh tranh của Brazil tại Hoa Kỳ.[5]

Tuy nhiên, sau cuộc vận động của ngành xuất khẩu cà phê Brazil và Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ, ngày 16/7/2026, chính quyền Hoa Kỳ đã loại cà phê, trong đó có cà phê hòa tan không hương liệu, khỏi danh sách áp thuế trước khi chính sách được hoàn thiện. Quyết định này mang lại lợi ích cho Brazil, nhà cung cấp cà phê hòa tan lớn cho Hoa Kỳ.[5]

Theo Cecafé, việc miễn thuế có thể bảo vệ kim ngạch xuất khẩu cà phê Brazil trị giá 2–2,5 tỷ USD. Đồng thời, biện pháp này góp phần duy trì nguồn cung ổn định, hạn chế áp lực tăng giá và hỗ trợ chế biến, việc làm cũng như tiêu dùng cà phê tại Hoa Kỳ.[5]



ỦY BAN CHÂU ÂU ĐƯA CÀ PHÊ HÒA TAN VÀO PHẠM VI EUDR

Ủy ban châu Âu đã thông qua quyết định bổ sung cà phê hòa tan vào danh mục sản phẩm thuộc Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR), qua đó khắc phục khoảng trống pháp lý tồn tại từ năm 2023. Trước đây, cà phê nhân và cà phê rang đã thuộc phạm vi điều chỉnh, trong khi cà phê hòa tan, chiết xuất và tinh chất cà phê chưa được áp dụng. Việc mở rộng này phù hợp với kiến nghị của Liên đoàn Cà phê châu Âu nhằm bảo đảm cạnh tranh bình đẳng trong thị trường nội khối.[6]

Cà phê hòa tan sử dụng Robusta, loại cà phê có nguy cơ liên quan đến mất rừng trong mô hình độc canh toàn năng. Sáu quốc gia gồm Việt Nam, Brazil, Indonesia, Uganda, Ấn Độ và Côte d'Ivoire chiếm khoảng 95% sản lượng Robusta toàn cầu. Ủy ban châu Âu cho rằng việc loại cà phê hòa tan khỏi EUDR có thể dịch chuyển rủi ro mất rừng sang sản phẩm chế biến sâu. Theo lộ trình, cà phê hòa tan sẽ chính thức chịu quy định từ ngày 30/12/2027.[6]

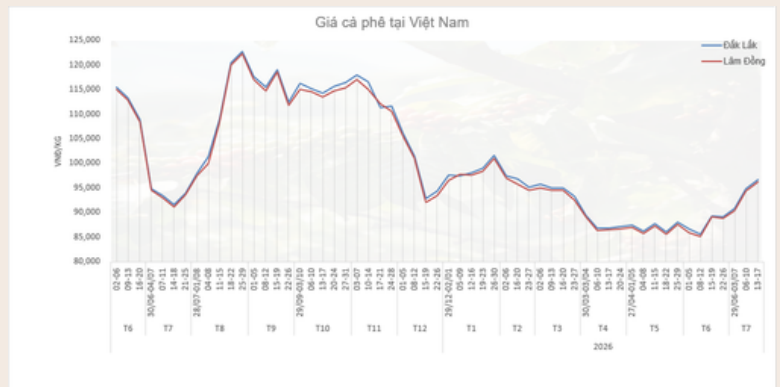




ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc tăng so với tuần trước.
- 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất khẩu 1,05 triệu tấn, trị giá hơn 4,8 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng nhưng giảm 13,8% về giá trị do giá bình quân giảm 19,7%, còn 4.565 USD/tấn.
- Theo Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu cà phê từ Việt Nam 5 tháng đầu năm 2026 đạt 17,5 nghìn tấn, trị giá 99,6 triệu USD, tăng tương ứng 76,9% và 87,1%; thị phần theo lượng tăng từ 11,57% lên 20,40%.
- Điện Biên định hướng mở rộng diện tích cà phê Arabica lên 20.000 ha trong 5 năm tới.
- Việc áp dụng tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) được xem là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành cà phê Lâm Đồng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 13/07/2026 đến ngày 17/07/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắc Lắc tăng so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 96.733 VNĐ/kg, tăng 2% so với tuần trước, và tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 98.333 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 95.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 96.300 VNĐ/kg, tăng 1,9% so với tuần trước, và tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 97.900 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 95.500 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ VIỆT NAM NỬA ĐẦU NĂM 2026

Thị trường cà phê Việt Nam trong nửa đầu năm 2026 ghi nhận sự phân hóa giữa lượng và trị giá xuất khẩu. Tháng 6, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 126.436 tấn, thu về 585,6 triệu USD, tăng 4% về lượng nhưng giảm 15,8% về kim ngạch so với cùng kỳ. Lũy kế sáu tháng, Việt Nam xuất khẩu 1,05 triệu tấn, trị giá hơn 4,8 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng nhưng giảm 13,8% về giá trị do giá bình quân giảm 19,7%, còn 4.565 USD/tấn.[2]

Giá xuất khẩu tháng 6 đạt mức 4.631 USD/tấn, tăng 3,6% so với tháng trước. EU tiếp tục là thị trường lớn nhất, trong khi Trung Quốc nổi lên với mức tăng 49,3% về lượng và 76,1% về trị giá.[2]

Ở thị trường nội địa, nguồn cung suy giảm và tồn kho cà phê xuống mức thấp đã đẩy giá cà phê Tây Nguyên lên 94.500–95.100 VNĐ/kg vào ngày 14/7, tăng khoảng 6,5% so với cuối tháng 6; trước đó, giá cà phê đạt 98.400 VNĐ/kg vào ngày 10/7. Với nhu cầu giao hàng cao, giá có khả năng tiếp cận mốc 100.000 VNĐ/kg trong ngắn hạn sắp tới đây, dù chịu áp lực cạnh tranh từ Brazil và Indonesia.[2]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM SANG TRUNG QUỐC

Trong 5 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, phản ánh sự cải thiện rõ rệt về năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam. Theo Hải quan Trung Quốc, tổng nhập khẩu cà phê đạt 85,9 nghìn tấn, trị giá 651,9 triệu USD, tăng 0,3% về lượng và 8,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025. Giá nhập khẩu bình quân đạt 7.588 USD/tấn, tăng 7,7%. Riêng nhập khẩu từ Việt Nam đạt 17,5 nghìn tấn, trị giá 99,6 triệu USD, tăng tương ứng 76,9% và 87,1%; thị phần theo lượng tăng từ 11,57% lên 20,40%. Giá cà phê nhập khẩu từ Việt Nam đạt 5.680 USD/tấn, tăng 5,8%. Việt Nam trở thành nguồn cung lớn thứ hai, sau Ethiopia và đứng trên Brazil, trong bối cảnh thị phần của Brazil giảm mạnh xuống 17,48%. Động lực tăng trưởng của thị trường Trung Quốc đến từ quá trình đô thị hóa, thay đổi thói quen tiêu dùng của giới trẻ và sự phát triển của các chuỗi cà phê. Cơ hội đối với cà phê Việt Nam tập trung ở cà phê Robusta, hòa tan, pha sẵn và sản phẩm tiện lợi, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng đô thị.[3]

TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐẨY MẠNH CANH TÁC CÀ PHÊ

Điện Biên định hướng mở rộng diện tích cà phê Arabica lên 20.000 ha trong 5 năm tới, từ quy mô chưa đến 10.000 ha. Mục tiêu này mở ra cơ hội phát triển vùng nguyên liệu, trong bối cảnh biến đổi khí hậu có thể làm suy giảm diện tích Arabica tại nhiều quốc gia chủ lực.[4]

Tuy nhiên, việc mở rộng cần dựa trên đánh giá khoa học về độ cao, nhiệt độ, lượng mưa, thời kỳ khô hạn và khả năng thích nghi của giống. Arabica phù hợp ở độ cao từ 500 m, nền nhiệt 15–24°C và cần giai đoạn khô 1–2 tháng để phân hóa mầm hoa.[4]

Bên cạnh điều kiện sinh thái, tỉnh cần kiểm soát giống, phát triển giống đầu dòng, nâng khả năng chống chịu sâu bệnh và tổ chức vùng trồng. Quá trình mở rộng phải gắn với số hóa vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, chế biến, bảo quản và xây dựng thương hiệu. Định hướng thị trường, liên kết doanh nghiệp và kết hợp cà phê với du lịch, văn hóa Tây Bắc sẽ quyết định tính bền vững của ngành hàng chung.[4]

TỈNH LÂM ĐỒNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ CÀ PHÊ THÔNG QUA ESG

Việc áp dụng tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) được xem là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành cà phê Lâm Đồng. Hiện nay, người trồng cà phê chỉ giữ lại tỷ lệ nhỏ trong tổng giá trị sản phẩm, trong khi phần lớn lợi nhuận tập trung ở khâu chế biến, xây dựng thương hiệu, phân phối và bán lẻ. Thực tiễn từ Tập đoàn Phúc Sinh cho thấy việc tổ chức chuỗi sản xuất theo tiêu chuẩn ESG, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận quốc tế có thể cải thiện thu nhập nông hộ khoảng 36%. Doanh nghiệp này đã liên kết hơn 6.300 nông hộ, phát triển trên 8.000 ha cà phê đạt chứng nhận Rainforest Alliance và tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế. Trong bối cảnh EU tăng cường các yêu cầu về chống mất rừng, báo cáo bền vững và thẩm định trách nhiệm doanh nghiệp, ESG trở thành điều kiện cần để duy trì thị trường xuất khẩu. Tại Lâm Đồng, Dự án SCE có tổng vốn hơn 9,19 tỷ đồng, triển khai giai đoạn 2026–2029, dự kiến hỗ trợ 900 nông hộ và 18 chủ thể kinh tế – xã hội.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	95,700	95,500	96,700	97,900	95,700	96,300	1,800
Di Linh	95,700	95,500	96,700	97,900	95,700	96,300	1,800
Lâm Hà	95,700	95,500	96,700	97,900	95,700	96,300	1,800
Bảo Lộc	95,700	95,500	96,700	97,900	95,700	96,300	1,800
ĐẮK LẮK	96,133	95,933	97,133	98,333	96,133	96,733	1,880
Cư M'gar	96,200	96,000	97,200	98,400	96,200	96,800	1,880
Ea H'leo	96,100	95,900	97,100	98,300	96,100	96,700	1,880
Buôn Hồ	96,100	95,900	97,100	98,300	96,100	96,700	1,880
GIA LAI	96,133	95,933	97,133	98,333	96,133	96,733	1,833
Chư Prông	96,200	96,000	97,200	98,400	96,200	96,800	1,900
Pleiku	96,100	95,900	97,100	98,300	96,100	96,700	1,800
La Grai	96,100	95,900	97,100	98,300	96,100	96,700	1,800
Quảng Ngãi	96,100	95,900	97,100	98,300	96,100	96,700	1,800
Kon Tum	96,100	95,900	97,100	98,300	96,100	96,700	1,800

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://www.arabnews.jp>
- [5]: <https://www.gcrmag.com>
- [6]: <https://dailycoffeenews.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
- [3]: <https://giaothuong.congthuong.vn>
- [4]: <https://tuoitre.vn>
- [5]: <https://doanhnghiepvvn.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả